Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA

Chương: 622-070-073

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 05 tháng 4 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

Trường Mầm non Sơn Ca công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2021 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021 + Bổ sung	Thực hiện quý I năm 2021	Thực hiện quý I/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm 2021 so với quý I năm 2020 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**268,000**	**-**	**0,00**	**-**
1	Lệ phí				
2	Phí	268,000	-	0,00	-
	Học phí	*268,000*		*0,00*	-
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**-**	**-**	***0,00***	-
1	***Chi sự nghiệp***	**-**	**-**	***0,00***	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	268,000	-	*0,00*	-
	Chi thanh toán cá nhân	107,200	-	*0,00*	
	Mục 6000: Tiền lương	*66,200*	-	*0,00*	
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	*41,000*	-		
	Mục 6200: Tiền thưởng		-		
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể		-		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp		-		
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	160,800	-	*0,00*	-
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	-		*0,00*	-
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	*10,000*	-		
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				-
	Mục 6650: Hội nghị		-		
	Mục 6700: Công tác phí		-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021 + Bổ sung	Thực hiện quý I năm 2021	Thực hiện quý I/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm 2021 so với quý I năm 2020 (tỷ lệ %)
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn		-		
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường	*100,800*	-	*0,00*	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		-		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	*50,000*	-	*0,00*	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		-		
	Các khoản chi khác	-	-		
	Mục 7750: Chi khác		-		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	***Lệ phí***				
2	***Phí***				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**3.469,000**	**909,057**	**26,21**	**80,25**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**3.469,000**	**909,057**	**26,21**	**80,25**
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**3.469,000**	**909,057**	**26,21**	**80,25**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.469,000	909,057	26,21	80,25
a	Chi thanh toán cá nhân	2.965,150	730,309	24,63	98,47
	Mục 6000: Tiền lương	*1.563,070*	*389,083*	*24,89*	*99,34*
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	*995,075*	*247,635*	*24,89*	*99,40*
	Mục 6200: Tiền thưởng	*12,150*	-	*0,00*	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	*12,000*	-	*0,00*	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	*382,855*	*93,591*	*24,45*	*92,80*
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	-		
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	473,850	178,471	37,66	48,91

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021 + Bổ sung	Thực hiện quý I năm 2021	Thực hiện quý I/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm 2021 so với quý I năm 2020 (tỷ lệ %)
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	*85,330*	*29,419*	*34,48*	*71,62*
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	*16,000*	*23,927*	*149,54*	
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	*16,520*	*1,770*	*10,71*	*100,00*
	Mục 6650: Hội nghị	*12,000*	-		
	Mục 6700: Công tác phí	*24,000*	*1,500*	*6,25*	*12,37*
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	*70,000*	*16,628*		*100,00*
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	*100,000*	*37,668*	*37,67*	*44,71*
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	*15,000*			
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	*135,000*	*67,559*	*50,04*	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình			*0,00*	
c	Các khoản chi khác	30,000	0,277	0,92	1,06
	Mục 7750: Chi khác	*30,000*	*0,277*	*0,92*	*1,06*
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
a	Chi thanh toán cá nhân	-	-		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		-		
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học		-		
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	-	-		
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		-		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		-		

Hiệu trưởng

Phạm Thị Phương Thảo